

Số: 405/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia";

- Quyết định số 699/QĐ-BTTTT ngày 03/5/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch hành động năm 2024 triển khai chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (chiến lược AI ứng dụng);

- Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2025 gồm các nội dung sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn chỉnh Khung kiến trúc số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, hình thành xã hội số và phát triển kinh tế số làm động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phát triển chính quyền số

- 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

- 80% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện triển khai công tác số hóa phục vụ chuyển đổi mô hình công sở số; phấn đấu đạt 90% tiêu chí về hoàn thiện chính quyền số.

- Phấn đấu chỉ số người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- Các cơ quan chuyên ngành xây dựng dữ liệu số đạt 70% yêu cầu của ngành và đồng bộ thống nhất để tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 90% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; cấp huyện và 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hệ thống báo cáo số được triển khai trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; 95% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Hạ tầng số

- 100% các hệ thống thông tin, nền tảng số được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

- Tỷ lệ thôn/tổ phủ sóng băng rộng cố định đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn/tổ phủ sóng băng rộng di động đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%.

c) Phát triển kinh tế số

- Phần đầu 90% doanh nghiệp ở các lĩnh vực, ngành nghề triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GRDP.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 70%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt khoảng 65%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt 2%.

d) Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số được cấp định danh điện tử đạt 85%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 75%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 40%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 60%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 75%.

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả triển khai chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh của các ngành, địa phương.

- Chỉ đạo về chuyển đổi số của các cấp lãnh đạo: Tăng cường công tác chỉ đạo về chuyển đổi số của các cấp lãnh đạo trên địa bàn tỉnh thông qua việc ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức hội họp ban chỉ đạo chuyển đổi số các cấp để triển khai chuyển đổi số do trực tiếp lãnh đạo các cấp ký ban hành và chỉ đạo điều hành.

2. Thể chế số, chính sách số

- Bám sát các văn bản của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể hóa tại địa phương đảm bảo nguyên tắc kịp thời, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn và phát huy các thế mạnh của tỉnh đã sẵn có.

- Nghiên cứu ban hành và áp dụng chính sách cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

- Ban hành các chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển doanh nghiệp số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nguồn nhân lực số.

3. Hạ tầng số

- Xây dựng, phát triển hạ tầng dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đủ năng lực phục vụ chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Không hình thành các hệ thống dùng riêng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trừ các trường hợp đặc biệt có phê duyệt của UBND tỉnh. Kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Từng bước đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân; nâng cao tỉ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Tiếp tục nâng cao và duy trì dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng mạng băng thông rộng; rà soát, phủ sóng ở các vùng trắng, vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

- Tiếp tục thực hiện kết nối Internet cáp quang đến tận hộ gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Tiếp tục duy trì vận hành, khai thác hiệu quả, đảm bảo an toàn trung tâm dữ liệu của tỉnh.

4. Nhân lực số

- Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chuyển đổi số cho công chức, viên chức thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến.

- Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số và an toàn thông tin của cơ quan nhà nước các cấp.

- Tiếp tục tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ về chuyển đổi số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng; triển khai hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng hiệu quả.

- Tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến được tích hợp trên nền tảng Hue-S.

- Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông tiếp tục thực hiện chuyển đổi số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Số hóa dữ liệu kết quả TTHC, dữ liệu quản lý chuyên ngành ưu tiên dữ liệu liên quan trực tiếp cơ sở dữ liệu dân cư.

- Số hóa dữ liệu hạ tầng cơ bản của các địa phương.

- Hoàn thành số hóa dữ liệu chuyên ngành, tập trung ưu tiên các loại dữ liệu liên quan trực tiếp đến người dân nhằm làm giàu, kế thừa, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư giúp giải quyết các vấn đề cơ bản phục vụ người dân.

- Tập trung triển khai hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia; thực hiện theo Nghị quyết Trung ương số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về hoàn thành xây dựng CSDL số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông.

- Tiếp tục triển khai cung cấp, chia sẻ dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở phục vụ cho cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, người dân và doanh nghiệp trong học tập, sản xuất, kinh doanh. Lựa chọn, ưu tiên công khai các loại dữ liệu có tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của tỉnh như dữ liệu về du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục,...

- Thực hiện kết nối, chia sẻ các dữ liệu còn lại giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và trực liên thông của tỉnh (LGSP)). Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu

quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

6.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ an toàn thông tin (ATTT) theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ. Một số nội dung cần được ưu tiên triển khai:

(i) Đăng ký sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm ATTT theo cấp độ (tại địa chỉ: capdo.ais.gov.vn) và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ ATTT theo cấp độ.

(ii) Trình phê duyệt cấp độ cho 100% hệ thống thông tin (HTTT) của tỉnh.

(ii) 100% HTTT được triển khai đầy đủ theo Hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt trước 30/11/2024.

(iv) Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ ATTT cho HTTT theo quy định trước 15/12/2023 (Tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

(v) Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên HTTT cấp độ 3 trở lên.

- Phối hợp với Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm ATTT theo cấp độ do Bộ cung cấp.

6.2. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Quản lý, vận hành trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực về an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm ATTT mạng.

6.3. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về an toàn thông tin mạng.

7. Chính quyền số

- Kết nối, liên thông dữ liệu với dữ liệu của tất cả các hệ thống Bộ, ngành Trung ương.

- Tiếp tục vận hành các nền tảng: nền tảng họp trực tuyến; nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; Triển khai hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) cho hạ tầng, hệ thống thông tin toàn tỉnh; Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Quản lý tiêm chủng.

- Triển khai diện rộng nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước;

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện triển khai các nền tảng: Nền tảng bản đồ số; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các sở, ngành, đơn vị.

8. Kinh tế số, xã hội số

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi công viên phần mềm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thúc đẩy các hoạt động nhằm kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước đầu tư hoặc mở chi nhánh hoạt động tại Thừa Thiên Huế.

- Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa nông sản đặc biệt là nông sản vùng xa, vùng cao, miền núi lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số: Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, đưa vào sử dụng các nền tảng chuyển đổi số trong doanh nghiệp như ứng dụng tích hợp các sàn thương mại điện tử trên Hue-S và các nền tảng số trong doanh nghiệp do các doanh nghiệp trong tỉnh hoặc trên toàn quốc triển khai.

- Triển khai các giải pháp thu hút người dân tạo tài khoản giao dịch tại ngân hàng; cấp thẻ ngân hàng, ví điện tử cho người dân.

- Tiếp tục triển khai cấp phát chữ ký số cho người dân.

- Triển khai các hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng nhằm lan tỏa các hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp với người dân.

- Tiếp tục triển khai phát triển trường học số, bệnh viện số.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt đặc biệt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế của tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền và triển khai để mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản.

- Triển khai cung cấp kỹ năng số cho người dân thông qua triển khai nền tảng học trực tuyến đại trà được tích hợp trên Hue-S.

- Tiếp tục phát triển kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên cơ sở tích hợp ứng dụng hỏi đáp và phản ánh hiện trường trên Hue-S; thu hút sự tham gia của các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp và người dân.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Kiên toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06; gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban chỉ đạo.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCS, người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai các hoạt động như: ứng dụng các kênh truyền thông như Hue-S, mạng xã hội, công/ trang thông tin điện tử để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; tích hợp nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân trên nền tảng Hue-S; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Triển khai các hoạt động, tạo môi trường nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Triển khai các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Nhà nước.
- Nguồn xã hội hóa.
- Các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 tỉnh

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông làm cơ quan Thường trực) giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo công tác triển khai thực hiện; chỉ đạo, điều phối xử lý các vấn đề thuộc nội dung Kế hoạch này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các quy định, chính sách để tạo giải pháp đảm bảo môi trường pháp lý trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo mục tiêu phát triển của các ngành, địa phương.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham mưu các phương án để huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng Chính quyền điện tử và dịch vụ Đô thị thông minh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách địa phương, cân đối, bố trí lồng ghép nguồn vốn đầu tư các chương trình dự án hàng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí cụ thể chi cho ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước và chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí kịp thời các nguồn vốn đầu tư công để triển khai chuyển đổi số; đôn đốc các chủ đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án triển khai đúng tiến độ.

- Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định nhu cầu kinh phí của các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh (trên cơ sở dự toán đề xuất chi tiết do các đơn vị lập) và khả năng cân đối ngân sách tỉnh để tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thường xuyên theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai Kế hoạch khi có yêu cầu (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận một cửa hiện đại cấp xã;
- UBND cấp huyện bố trí kinh phí duy trì Trang thông tin điện tử cấp huyện; Đầu tư trang thiết bị xây dựng Bộ phận Một cửa hiện đại các xã phường, thị trấn.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai chuyển đổi số của ngành, đơn vị, địa phương.

5. Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh

- Phối hợp các ngành triển khai các nội dung đào tạo nâng cao năng lực số trong nhà nước và cộng đồng.
- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi công viên phần mềm tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tổ chức nghiên cứu các giải pháp, công nghệ mới hỗ trợ cho chương trình phát triển công nghệ số trên địa bàn tỉnh.
- Phối hợp với các cơ sở đào tạo triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực số.

6. Các hội Các Hội, hiệp hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nghiệp trẻ, Hội Công nghệ thông tin và Điện tử viễn thông làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế và các đơn vị liên quan chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các văn bản, nhiệm vụ, chương trình, dự án năm 2025 được đính kèm ở Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục CDS quốc gia – Bộ TTTT;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX và TP Huế;
- Các DN Viễn thông;
- Bưu điện tỉnh TT-Huế;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

Phụ lục**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2025***(Kèm theo Kế hoạch số: 405/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Tên nhiệm vụ	Năm triển khai	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I	Nhận thức số			
1	Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức.	2025	Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT)	
2	Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số	2025	Sở TTTT	
II	Thể chế số			
3	Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số	2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KHĐT)	
4	Xây dựng chính sách miễn lệ phí, giảm thời gian đối với dịch vụ công trực tuyến	2025	Sở TTTT	
5	Xây dựng chính sách hỗ trợ cho nhân sự chuyên trách chuyển đổi số và an toàn thông tin	2025	Sở TTTT	
6	Xây dựng chính sách hỗ trợ cho Tổ công nghệ số cộng đồng trong tham gia hoạt động chuyển đổi số (Bao gồm cả dịch vụ công trực tuyến)	2025	Sở TTTT	
7	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số	2025	Sở KHĐT	

8	Triển khai nhân rộng Đề án xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp huyện	2024-2025	UBND cấp huyện	
9	Sửa đổi bổ sung quy chế dịch vụ công trực tuyến, công bố 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2025	Sở TTTT	
10	Bổ sung quy chế thi đua khen thưởng trong hoạt động dịch vụ công trực tuyến	2025	Sở TTTT	
III	Hạ tầng số			
11	Triển khai cung cấp hạ tầng điện toán đám mây và ảo hóa	2025	Sở TTTT	
12	Xây dựng hệ thống dự phòng nóng hạ tầng dùng chung tỉnh - giai đoạn 2	2025	Văn phòng UBND tỉnh	
13	Triển khai Hạ tầng cáp quang đến tận thôn/bản	2025	Sở TTTT	
14	Thực hiện Kết nối Internet đến tận hộ gia đình	2025	Sở TTTT	
15	Phổ cập điện thoại di động cho người dân	2025	Sở TTTT	
IV	Dữ liệu số			
16	Xây dựng chức năng đồng bộ CSDL ngành Giáo dục tỉnh vào CSDL ngành Giáo dục quốc gia	2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
17	Số hóa dữ liệu kết quả TTHC, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu hạ tầng cơ bản của các địa phương (ưu tiên dữ liệu liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư)	2025	Các Sở, ban ngành, địa phương	
18	Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia	2024-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	
19	Số hoá hồ sơ người có công với cách mạng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	2024-2025	Sở LĐTB&XH	

20	Số hóa, tạo lập CSDL GIS về quy hoạch phân vùng chỉ giới di tích - Quản lý quy hoạch	2024-2025	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	
21	Số hóa, tạo lập CSDL về hồ sơ di sản/ hồ sơ trùng tu, tôn tạo và phục dựng	2024-2025	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	
22	Lập quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động và triển khai số hoá dữ liệu hạ tầng thông tin truyền thông toàn tỉnh	2025	Sở TTTT	
V	Nền tảng số			
23	Triển khai Nền tảng bản đồ số	2025	Sở TTTT	
24	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	2024-2025	Sở TTTT	
25	Triển khai Nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp	2023-2025	Sở TTTT	
26	Triển khai Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước	2023-2025	Sở TTTT	
27	Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo	2023-2025	Sở TTTT	
28	Nền tảng Hue-S thúc đẩy tích hợp thông tin, dịch vụ đô thị thông minh	2024-2025	Sở TTTT	
29	Triển khai Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa, Quản lý tiêm chủng	2022-2025	Sở Y tế	
VI	Nhân lực số			
30	Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn chuyển đổi số cho CBCCVC	2025	Sở TTTT	
31	Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CDS, ATTT mạng	2022-2025	Sở TTTT	
32	Tập huấn nghiệp vụ cho các tổ công nghệ số cộng đồng	2025	UBND cấp huyện	

33	Xây dựng và triển khai hệ sinh thái nhân lực	2024-2025	Sở LĐTB&XH	
34	Tổ chức các nội dung đào tạo cho người dân, doanh nghiệp về kỹ năng số và sử dụng dịch vụ công trực tuyến	2025	Sở TTTT	
35	Đào tạo Cán bộ vận hành hệ thống, kỹ năng bảo mật và xử lý các sự cố về an toàn, an ninh mạng	2025	Sở TTTT	
36	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm Hệ thống học trực tuyến (đối tượng người dân; cán bộ công chức viên chức)	2025	Sở TTTT	
VII	An toàn thông tin mạng			
37	Triển khai hệ thống giám sát an toàn an ninh mạng (SOC) cho hạ tầng, hệ thống thông tin toàn tỉnh	2023-2025	Sở TTTT	
38	Hoàn thiện triển khai phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng	2025	Sở TTTT	
39	Triển khai Hệ thống cảnh báo, giám sát khắc phục về an toàn thông tin cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước)	2025	Sở TTTT	
40	Triển khai Giải pháp phòng chống mã độc tập trung	2025	Sở TTTT	
41	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin	2025	Sở TTTT	
42	Triển khai giám sát an toàn thông tin mạng	2025	Sở TTTT	
43	Diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin	2025	Sở TTTT	
44	Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”	2025	Sở TTTT	
45	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng đặc biệt là phòng, chống lừa đảo trực tuyến	2025	Sở TTTT	

VIII	Chính quyền số			
46	Tái cấu trúc hệ thống trang thông tin điện tử các cấp	2023-2025	Các ngành, các cấp	Các đơn vị chưa triển khai
47	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu Di sản Văn hóa và Phi vật thể (Giai đoạn 2)	2024-2025	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	
48	Xây dựng giải pháp bản đồ cảnh báo ngập lụt cho giao thông trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	2024-2025	VP. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh	
49	Xây dựng phần mềm, triển khai đưa vào sử dụng và đồng bộ Học bạ số của tỉnh vào Kho học bạ số Bộ GDĐT	2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	
50	Nâng cấp phần mềm quản lý Phương tiện đo nhóm 2	2025	Sở Khoa học và Công nghệ	
51	Chuyển đổi số trong triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế	2025	Sở Khoa học và Công nghệ	
52	Nâng cấp, sử dụng Hệ thống thông tin doanh nghiệp	2024-2025	BQL Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh	
53	Xây dựng Phần mềm Quản lý thông tin quản lý đối ngoại	2025	Sở Ngoại vụ	
54	Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu trồng trọt - bảo vệ thực vật, chăn nuôi - thú y và thủy lợi	2024-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
55	Hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ tỉnh Thừa Thiên Huế	2024-2025	Sở Nội vụ	
56	Nâng cấp phần mềm Quản lý tài sản công tỉnh	2025	Sở Tài chính	
57	Xây dựng phần mềm ứng dụng quản lý, giám sát lộ trình thu gom vận chuyển rác và khối lượng rác thải trên địa bàn tỉnh	2024-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	
58	Xây dựng nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử tỉnh	2025	Sở Y tế	

59	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cây xanh, cảnh quan và mặt nước trên GIS, số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu về cây xanh	2024-2025	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ Đô Huế	
60	Định danh - triển lãm số 98 cổ vật tại Bảo tàng Cổ vật Cung Đình Huế	2025	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ Đô Huế	
IX	Kinh tế số			
61	Xây dựng và triển khai Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	2025	Sở KHĐT, UBND cấp huyện	
62	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	2025	Sở KH&CN	
63	Xây dựng ứng dụng thực tế ảo tăng cường AR tại các địa điểm di tích	2023-2025	Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế	
64	Đo lường kinh tế số theo hướng dẫn từ Bộ Thông tin và Truyền thông	2025	Sở TTTT	
X	Doanh nghiệp số			
65	Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số trong hệ thống Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tại Thừa Thiên Huế	2022-2025	Trung tâm CNTT tỉnh	
XI	Xã hội số			
66	Xây dựng ứng dụng di động của Báo Thừa Thiên Huế	2025	Báo Thừa Thiên Huế	
67	Xây dựng Hệ thống quản lý đăng ký học lái xe trực tuyến và thu phí dịch vụ	2025	Trường Cao đẳng Huế	
68	Xây dựng ứng dụng thuyết minh tại các điểm du lịch cho du khách	2024-2025	Sở Du lịch	
69	Tăng cường cấp tài khoản ngân hàng cho người dân trưởng thành	2024-2025	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh TT. Huế	

70	Phổ cập tài khoản DVCTT cho người dân trưởng thành	2024-2025	Sở TTTT	
71	Cấp phát chữ ký số từ xa cho người dân	2024-2025	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	
72	Triển khai để mỗi người dân có một phần mềm bảo vệ an toàn thông tin mạng cơ bản	2024-2025	Sở TTTT	
73	Tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế của tỉnh	2024-2025	Sở TTTT; các sở ban ngành; địa phương	
74	Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ	2021-2025	Sở Y tế	
75	Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông về lao động, người có công và xã hội trên nền tảng tích hợp, chia sẻ, liên thông dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế	2023-2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ